

TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

Trung gian tài chính

- I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính
- II. Các trung gian tài chính
- III. Ngân hàng thương mại

I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính

1. Khái niệm

TGTC là tổ chức chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thông qua cung cấp dịch vụ tài chính tiền tệ để thu hút, tập hợp vốn nhàn rỗi để cung ứng cho nơi cần vốn

2. Rào cản của thị trường tài chính

2.1. Chi phí giao dịch (transaction cost)

- Chi phí giao dịch khi đầu tư trên thị trường tài chính
- Trung gian tài chính giúp giảm chi phí giao dịch:
 - + Tính kinh tế theo quy mô (Economies of Scale)
 - + Tính chuyên môn (Expertise)

I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính

2.2. Thông tin bất cân xứng (asymmetric information)



Một bên không biết đầy đủ thông tin về bên kia trong một giao dịch nên không thể đưa ra được các quyết định chính xác

I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính

2.1. Chọn lựa đối nghịch (Adverse Selection)

- Ảnh hưởng của chọn lựa đối nghịch đối với cấu trúc tài chính – The “Lemons problems”
- Biện pháp để giải quyết vấn đề “Chọn lựa đối nghịch”
 - + Tạo và cung cấp thông tin
 - + Các quy định của Chính phủ về cung cấp thông tin
 - + Vai trò của các trung gian tài chính
 - + Thế chấp

I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính

2.2. Rủi ro đạo đức (Moral Hazard)

- Rủi ro đạo đức khi đầu tư trên thị trường tài chính:
 - + Đầu tư cổ phiếu: The Principal – agent problems
 - + Đầu tư vào các công cụ nợ
- Biện pháp để giải quyết vấn đề rủi ro đạo đức
 - + Giám sát
 - + Các quy định của Chính phủ về cung cấp thông tin
 - + Tài sản ròng
 - + Các điều kiện ràng buộc trong hợp đồng nợ

I. Khái niệm và vai trò của trung gian tài chính

3. Vai trò của các trung gian tài chính

- giảm chi phí giao dịch
- giảm chi phí thông tin

Câu hỏi

1. Rào cản cho việc lưu chuyển vốn trực tiếp qua thị trường tài chính là:

- a. Chi phí thông tin
- b. Chi phí giao dịch
- c. Cả a và b

2. Vấn đề sự lựa chọn đối nghịch giúp chúng ta giải thích:

- a. Hầu hết các doanh nghiệp huy động vốn chủ yếu từ ngân hàng và các trung gian tài chính khác thay vì huy động vốn từ thị trường chứng khoán.
- b. Kênh tài chính gián tiếp quan trọng hơn trong việc tài trợ vốn cho các doanh nghiệp so với kênh tài chính trực tiếp
- c. Tại sao những người vay tiền sẵn sàng dùng tài sản thế chấp nhằm đảm bảo lời hứa trả nợ
- d. Tất cả các đáp án trên

3. Các trung gian tài chính cung cấp cho khách hàng của mình những lợi ích nào sau đây:

- a. Giảm chi phí giao dịch
- b. Đa dạng hóa sản phẩm và giảm rủi ro
- c. Tăng khả năng thanh khoản
- d. Tất cả các đáp án trên

4. Sự giảm chi phí giao dịch tính trên mỗi đồng đầu tư khi quy mô giao dịch tăng lên được gọi là:

- a. Lợi thế về quy mô kinh tế**
- b. Đa dạng hóa danh mục đầu tư**
- c. Chiết khấu**

5. Người đi vay thông thường có nhiều thông tin về thu nhập và rủi ro đối với việc sử dụng vốn vay hơn là người cho vay. Sự không cân bằng về thông tin này được gọi là:

- a. Rủi ro đạo đức
- b. Thông tin không cân xứng**
- c. Sự lựa chọn đối nghịch
- d. Rủi ro không được đảm bảo

6. Những người đi vay có nhiều khả năng không trả được nợ là những người tích cực tìm vay nhất và do vậy họ có khả năng được lựa chọn nhất. Hiện tượng này được gọi là:

- a. Rủi ro đạo đức
- b. Sự lựa chọn đối nghịch**
- c. Thông tin không cân xứng
- d. Ăn theo thông tin

7. Khi ngân hàng quyết định cho vay đối với một khách hàng mới và mong giảm thiểu được sự lựa chọn đối nghịch, ngân hàng đó sẽ mong muốn người vay tiền:

- a. Có nhiều triển vọng và vừa tốt nghiệp đại học
- b. Có nhiều tài sản rỗng
- c. Thể hiện có nhu cầu cao đối với khoản vay

8. *Rủi ro nảy sinh do thông tin không cân xứng xuất hiện trước khi giao dịch được gọi là*

A, Sự lựa chọn đối nghịch

B, Rủi ro đạo đức

9. *Rủi ro nảy sinh do thông tin không cân xứng xảy ra sau khi giao dịch được gọi là*

a. Sự lựa chọn đối nghịch

b. Rủi ro đạo đức

10. Khi một người đã mua bảo hiểm, người đó sẽ ít cẩn thận hơn đối với đối tượng bảo hiểm, điều này do:

- Rủi ro đạo đức
- Lựa chọn đối nghịch
- Tính kinh tế nhờ quy mô
- Đáp án a, b và c

II. Các trung gian tài chính

- 1. Các tổ chức nhận tiền gửi (Depository Institutions)**
- 2. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng (Contractual Savings Institutions)**
- 3. Công ty tài chính (Finance Companies)**
- 4. Các trung gian đầu tư (Investment Intermediaries)**

1. Các tổ chức nhận tiền gửi

Các trung gian tài chính huy động tiền nhàn rỗi thông qua nhận tiền gửi từ cá nhân, tổ chức rồi cung cấp cho những chủ thể cần vốn chủ yếu dưới hình thức các khoản vay.

- Ngân hàng thương mại (Commercial Banks)
- Các tổ chức tiết kiệm (Savings and Loans Associations, Savings Banks, Building Societies)
- Các tổ chức tín dụng (Credit Unions)

Ngân hàng thương mại

■ *Huy động vốn:*

1. Nhận tiền gửi thanh toán (tài khoản vãng lai- check/current deposits),
2. Tiền gửi tiết kiệm (savings deposits)
3. Tiền gửi có kỳ hạn (time deposits)

■ *Sử dụng vốn:*

1. vay thương mại,
2. cho vay tiêu dùng,
3. vay thế chấp,
4. mua chứng khoán chính phủ...

14. Nguồn vốn nào trong bảng cân đối kế toán của NHTM có chi phí vốn thấp nhất?

- a. Vay từ các NHTM khác.
- b. Tiền gửi không kỳ hạn.
- c. Tiền gửi tiết kiệm.
- d. Tiền gửi có kỳ hạn.

Các tổ chức tiết kiệm

■ *Huy động vốn:*

1. Tiền gửi tiết kiệm (thường gọi là shares),
2. Tiền gửi kỳ hạn
3. Tiền gửi thanh toán (Mỹ, trước 1970s, không được phép nhận tiền gửi thanh toán).

■ *Sử dụng vốn:*

Trước đây: chủ yếu cho vay thế chấp để mua nhà
Hiện nay: Mở rộng hơn

Tổ chức/Quỹ tín dụng (Credit Unions)

- Do các thành viên sở hữu và quản lý
- Thành viên có tài khoản trong tổ chức tín dụng là người chủ tổ chức tín dụng
- Tổ chức phi lợi nhuận

11. Yếu tố nào sau đây giúp các NHTM xử lý được vấn đề rủi ro đạo đức?

- a. Thẩm định năng lực tài chính và kinh doanh của khách hàng.
- b. Yêu cầu tài sản thế chấp.
- c. Theo dõi và quản lý dòng tiền của khách hàng.
- d. Tất cả các phương án trên.
- e. Chỉ a. và b.

2. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng

Các trung gian tài chính huy động tiền theo định kỳ trên cơ sở một hợp đồng đã ký kết với khách hàng

- **Các công ty bảo hiểm (Insurance Companies)**
- **Các quỹ lương hưu (Pension Funds)**

Các công ty bảo hiểm (Insurance Companies)

Các công ty bảo hiểm là các trung gian tài chính với chức năng chủ yếu là cung cấp phương tiện để bảo vệ các hộ gia đình, các doanh nghiệp trước những tổn thất về tài chính do những rủi ro nhất định gây ra thông qua việc cung cấp các hợp đồng bảo hiểm theo đó các công ty bảo hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm khi rủi ro xảy ra

- Các công ty bảo hiểm nhân thọ
- Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ lương hưu (Pension Funds)

Các quỹ lương hưu cung cấp cho người lao động có được khoản thu nhập ổn định sau khi về hưu thông qua việc cung cấp các chương trình lương hưu (pension plans)

- Loại căn cứ vào mức độ đóng góp (a defined- contribution plan)
- Loại căn cứ vào mức độ trợ cấp (a defined-benefit plan)

12. Khi mua bảo hiểm tài sản, có thể tùy ý lựa chọn số tiền bảo hiểm.

a. Đúng

b. Sai

13. ***Khi mua bảo hiểm con người, có thể tùy ý lựa chọn số tiền bảo hiểm.***

a. Đúng

b. Sai

15. Trong bảo hiểm tài sản, sự xuất hiện của bên thứ ba có liên quan tới:

- a. Một trách nhiệm cho bên mua bảo hiểm
- b. Một quyền lợi của bên mua bảo hiểm
- c. Một trách nhiệm của công ty BH
- d. Một quyền lợi của công ty BH

16. Người mà vì tài sản, tính mạng, sức khoẻ hay trách nhiệm dân sự của người đó khiến người tham gia bảo hiểm đi đến ký kết hợp đồng bảo hiểm được gọi là:

- a. Người bảo hiểm
- b. Người được thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm
- c. Người được bảo hiểm
- d. Người thứ 3

3. Công ty tài chính (Finance companies)

Các công ty tài chính huy động vốn bằng cách phát hành các chứng chỉ tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu... và sử dụng vốn đó để cho vay

- Điểm phân biệt với ngân hàng ???

- Các loại công ty tài chính:

- + Công ty tài chính **bán hàng** (Sales finance company)
- + Công ty tài chính **tiêu dùng** (Consumer finance company)
- + Công ty tài chính **kinh doanh** (Business finance company)

4. Trung gian đầu tư

- **Ngân hàng đầu tư** (*Investment bank*)
- **Công ty đầu tư mạo hiểm** (*Venture Capital Firms*)
- **Quỹ đầu tư tương hỗ** (*Mutual funds*)
- **Công ty quản lý tài sản** (*Asset Management Firms*)

Quỹ đầu tư (Mutual Funds)

Các quỹ đầu tư là các trung gian tài chính phát hành các chứng chỉ quỹ để huy động vốn từ các nhà đầu tư và sử dụng vốn đó để đầu tư vào chứng khoán.

- Lợi ích của việc đầu tư vào các quỹ đầu tư
- Phân loại:
 - Quỹ đầu tư mở (Open-end funds)
 - Quỹ đầu tư đóng (Closed-end funds)

- ***Quỹ đầu tư nào chấp nhận việc mua lại chứng chỉ quỹ của mình khi nhà đầu tư yêu cầu:***

a. Quỹ đầu tư mở

b. Quỹ đầu tư đóng

c. Không có quỹ đầu tư nào cho phép như vậy

Ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán

- **Ngân hàng đầu tư:** Giúp đỡ các doanh nghiệp, chính phủ huy động vốn cho hoạt động của họ thông qua phát hành chứng khoán. Các ngân hàng đầu tư còn hỗ trợ các công ty trong việc sát nhập hoặc mua lại công ty khác.
- **Công ty CK:** Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ mua bán chứng khoán trên thị trường thứ cấp.

Các công ty đầu tư khởi nghiệp

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ mới thành lập
- Đầu tư vào các doanh nghiệp mới, giúp các công ty này phát triển đến một mức độ nhất định, có thể phát hành cổ phiếu ra thị trường. Khi đến điểm đó, các công ty đầu tư khởi nghiệp sẽ bán số cổ phần của họ trong công ty ra công chúng và chuyển sang một dự án đầu tư khác

III. Ngân hàng thương mại

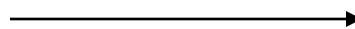
1. **Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng**
2. **Chức năng của NHTM**
3. **Nguồn vốn của NHTM**
4. **Hoạt động cơ bản của NHTM**

1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thời kỳ ngân hàng sơ khai



Giữ tiền



Giữ tiền

Cho vay

Thanh toán

1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

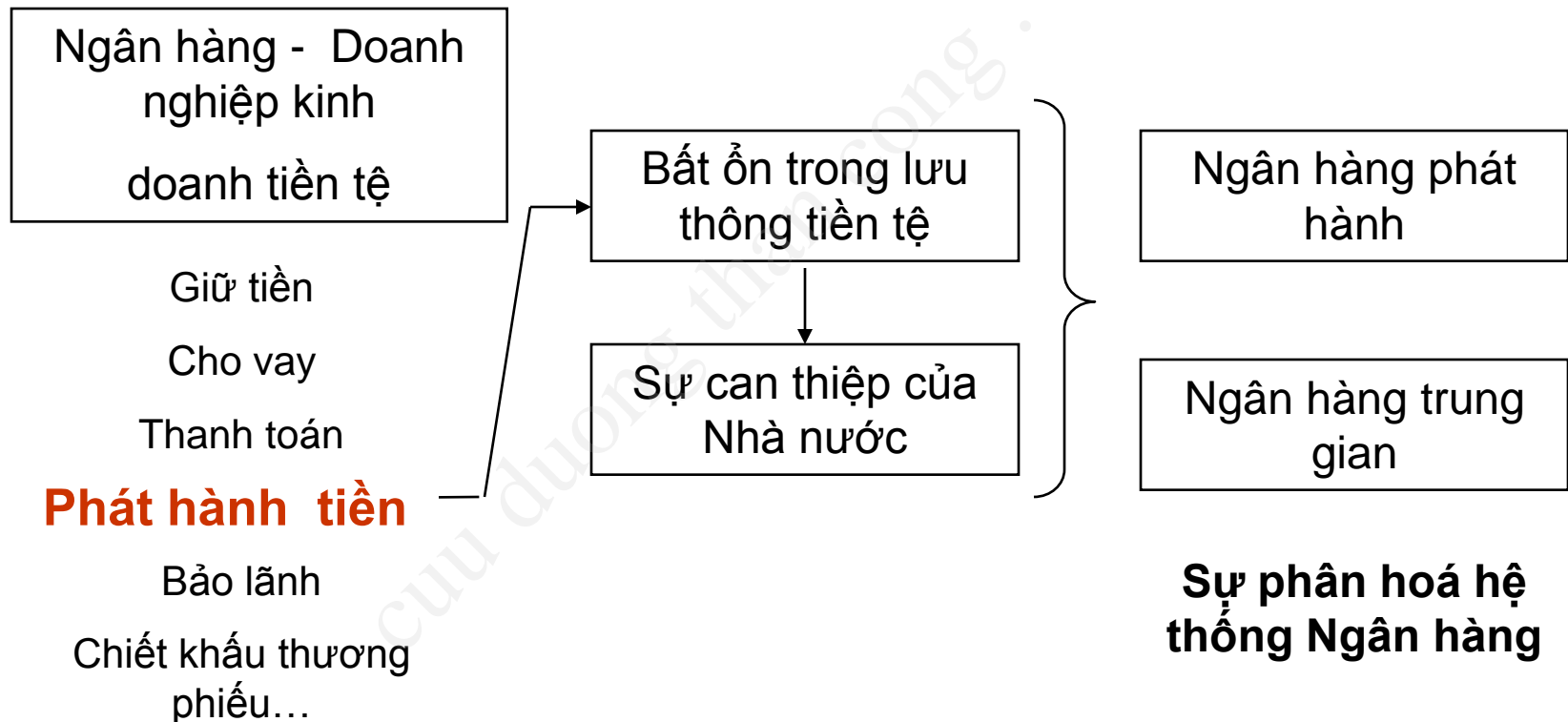
Thế kỷ 13 – 17: Sự hồi sinh của ngân hàng



Các ngân hàng ở Italia

1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thế kỷ 17 đến thế kỷ 19



1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thế kỷ 20 – nay: Ngân hàng hiện đại



Sự cạnh tranh từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng

Sự ra đời của các tập đoàn tài chính khổng lồ

2. Chức năng của NHTM

- **Trung gian tín dụng (Intermediation)**
- **Thanh toán (Payment)**
- **“Tạo tiền”**

3. Nguồn vốn

3.1.1. Vốn huy động – Tài sản nợ (Liabilities)

- Tiền gửi
- Vốn đi vay

3.1.2. Vốn chủ sở hữu (Capital)

Vốn tự có (capital base):

Vốn điều lệ (charter capital)

Tiền gửi

- Nguồn vốn lớn nhất và quan trọng nhất của các ngân hàng
- Các loại tiền gửi
 - Tiền gửi thanh toán
 - Tiền gửi tiết kiệm
 - Tiền gửi có kỳ hạn

Vốn đi vay

- Vay từ NHTW:

NHTW Việt Nam cho các ngân hàng vay ngắn hạn dưới các hình thức *tái cấp vốn* theo các loại sau:

- + Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng
- + Chiết khấu, tái chiết khấu các chứng từ có giá
- + Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

- Vay từ các NHTM khác

- Vay dưới hình thức phát hành các giấy tờ có giá
- Vay khác

Cho vay

Cho vay (cấp tín dụng) là sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu (NHTM) sang người sử dụng (người đi vay) trong một thời gian nhất định. Hết thời gian này, người sử dụng sẽ hoàn trả một lượng giá trị lớn hơn lượng giá trị ban đầu.

Các phương thức cho vay

Cho vay có tài sản đảm bảo: Cho vay thế chấp, cho vay trả góp, cho vay có bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba

- ✓ Cho vay thấu chi
- ✓ Cho vay từng lần
- ✓ Cho vay theo hạn mức tín dụng
- ✓ Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng
- ✓ Cho vay bổ sung vốn lưu động
- ✓ Cho vay chiết khấu
- ✓ Cho vay theo dự án đầu tư
- ✓ Cho vay hợp vốn
- ✓ Cho thuê tài chính

4. Hoạt động cơ bản của NHTM

- “Đi vay ngắn hạn và cho vay dài hạn” (*borrow short and lend long*): các NHTM thường cho vay các khoản vay dài hạn và tài trợ cho chúng bởi những khoản tiền gửi ngắn hạn.

Quản trị tài sản có

- Để tối đa hoá lợi nhuận, NH phải tìm kiếm lợi tức cao nhất từ những khoản cho vay và đầu tư, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo đủ tính thanh khoản với việc nắm giữ các tài sản lỏng:
 - Tìm kiếm những người đi vay có năng lực tài chính tốt, trả lãi cao
 - Mua chứng khoán có lợi tức cao và rủi ro thấp
 - Đa dạng hoá tài sản để giảm rủi ro
 - Đảm bảo tính thanh khoản của tài sản

Quản trị tài sản nợ

- Đóng vai trò ngày càng quan trọng
- Huy động vốn với chi phí thấp
- Hình thức huy động vốn ngày càng đa dạng
- NH chủ động hơn trong hoạt động này